

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2021
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký Tòa án: Ông Lương Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28/4/2021 tại trụ sở TAND huyện P - tỉnh Phú Thọ, TAND huyện P mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 32/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11 ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Lê Xuân V, sinh năm 1984

Đều ĐKKHKT: khu N, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay cùng khu 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ

(Hôm nay cả chị T và anh V đều có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh V cùng tự nguyện kết hôn và có đăng ký ngày 11/8/2014 tại UBND thị trấn C, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai người cùng chung sống và xây nhà trên mảnh đất của bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V không tôn trọng chị và gia đình chị, chửi bới mẹ đẻ chị, thường xuyên chửi vợ, đánh vợ và đập phá đồ đạc trong gia đình, không đi làm do vậy vợ chồng không có tiếng nói chung và không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh V.

Anh Lê Xuân V trình bày: Về thời gian kết hôn, và quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì do anh còn thương vợ con, con anh chị còn nhỏ và còn cần tình thương của cả bố và mẹ, sức

khỏe của anh đã yếu anh bị đau lưng không làm được việc nặng. Anh xin được đoàn tụ, còn nếu chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh thì anh cũng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 13/3/2016. Khi ly hôn chị T xin được nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật. Phía anh V cho rằng con ở với ai thì anh tôn trọng quyền của con nhưng tại phiên tòa anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T với số tiền 800.000đ/tháng đến khi con chung thành niên. Chị T cũng nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh V.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh V xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích 150m² trên đất của bố mẹ chị T, ngoài ra còn 01 xe mô tô biển kiểm soát 19P1.349.86 đăng ký ngày 27/01/2021 đứng tên đăng ký chị Lê Thị T và 01 chiếc máy vi tính sách tay chị T xin được sở hữu và thanh toán chênh lệch tài sản cho anh V số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Cả chị T và anh V đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhưng do trong quá trình giải quyết anh chị không thống nhất được giá trị tài sản nên đã yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên của anh chị. Nhưng đến ngày 13/4/2021 do chị T và anh V đã thống nhất thỏa thuận về tài sản nên anh chị đã làm đơn xin rút yêu cầu giải quyết về phân tài sản chung. Do vậy Tòa án không giải quyết phân tài sản chung trong vụ án này.

Về nợ chung, công sức: chị T và anh V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị T xin ly hôn anh Lê Xuân V và đề nghị Tòa án giải quyết về phân con chung khi ly hôn. Do đó đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo chị T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh V không tôn trọng chị và gia đình chị, chửi mẹ đẻ chị, thường xuyên chửi vợ, đánh vợ và đập phá đồ đạc trong gia đình, không đi làm do vậy vợ chồng không có tiếng nói chung và không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh V. Phía anh V không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết

vụ án anh V cũng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho việc anh mong muốn đoàn tụ với chị T. Tại phiên tòa hôm nay anh cũng đã trình bày về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T là do chị T đi với người đàn ông khác, trong quá trình chung sống anh cũng đánh chị T một vài lần do chị T chửi anh. Điều đó chứng tỏ giữa chị T và anh V đã có mâu thuẫn.

Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2021 tại UBND Thị trấn C được địa phương cung cấp như sau: Chị T và anh V có kết hôn và đăng ký tại UBND thị trấn C năm 2014. Sau khi kết hôn hai người sống tại khu N, thị trấn C. Hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau. Địa phương xác định giữa chị T và anh V có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị T xin ly hôn UBND đề nghị Tòa án huyện P căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của công dân, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng như đảm bảo cho con chung chưa thành niên.

Do vậy về quan hệ hôn nhân xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng và cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên xử cho chị T và anh V được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh V đồng ý giao cháu Lê Ngọc D cho chị Lê Thị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Xuân V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng chẵn) kể từ tháng 5/2021 đến khi cháu D thành niên, phía chị Lê Thị T cũng nhất trí với mức cấp dưỡng của anh V. Vì vậy Tòa án công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Tại phiên tòa hôm nay chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân huyện P có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Xuân V; Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị Lê Thị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 13/3/2016. Anh Lê Xuân V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng chẵn) kể từ tháng 5/2021 đến khi cháu D thành niên. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Anh Lê Xuân V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị T và anh Lê Xuân V được ly hôn.

* *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 13/3/2016. Anh Lê Xuân V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/1tháng; kể từ tháng 5/2021 đến khi cháu D thành niên.

Hai bên đều có quyền nghĩa vụ như nhau trong việc giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

* *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001698 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai số 0001699 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Anh Lê Xuân V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án ®-íc thi hụnh theo quy ®Đnh t¹i §iỜu 2 LuỄt thi hụnh ,n đƠn sù th× ng-êi ®-íc thi hụnh ,n đƠn sù, ng-êi ph¶i thi hụnh ,n đƠn sù cã quyỜn tho¶ thuỄn thi hụnh ,n, quyỜn y^au cỰu thi hụnh ,n, tù nguyỜn thi hụnh ,n hoẶc bĐ c-ìng chỖ thi hụnh ,n theo quy ®Đnh t¹i c. c ®iỜu 6, 7 vự 9 LuỄt thi hụnh ,n đƠn sù; thêi hiỜu thi hụnh ,n ®-íc thùc hiỜn theo quy ®Đnh t¹i ®iỜu 30 LuỄt thi hụnh ,n đƠn sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Các đương sự;
- UBND TT C;
- Lưu: HS, VP (10).

Phạm Hồng Vân